

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TIỀN GIANG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 364/2024/DS-PT

Ngày: 08/7/2024

V/v tranh chấp: “Hợp đồng
vay tài sản và hợp đồng cầm
cố tài sản”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Vĩnh Hữu.

Các Thẩm phán: Ông Lê Thanh Vân.

Bà Đỗ Thị Minh Nguyệt.

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Khanh - Thư ký.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang: Bà Nguyễn Thị Cẩm Thúy, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 08 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 223/2024/TLPT-DS ngày 06 tháng 5 năm 2024 về việc tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản và hợp đồng cầm cố tài sản”;

Do bản án dân sự sơ thẩm số 31/2024/DS-ST, ngày 28/02/2024 của Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 258/2024/QĐ-PT ngày 16/5/2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngô Thị Kim T, sinh năm 1982;

Tên gọi khác: Ngô Thị Kim C;

Địa chỉ: Ấp C, xã C, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Đại diện theo ủy quyền của bà T: Trần Thị Thảo V, sinh năm 1988;

Địa chỉ: Khu phố B, thị trấn B, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

2. Bị đơn: Trần Thị L, sinh năm 1961;

Ngô Văn P, sinh năm 1986;

Cùng địa chỉ: Ấp P, xã P, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

*. *Người kháng cáo:* Bị đơn Trần Thị L.

(có mặt chị V, bà L, vắng mặt anh P)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**. Theo án sơ thẩm, nguyên đơn bà Ngô Thị Kim T và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn chị Trần Thị Thảo V trình bày:*

Ngày 06/6/2020, anh Ngô Văn P và bà Trần Thị L có cầm cho bà 03 công đất ruộng, địa chỉ thửa đất ấp P, xã P, huyện C, tỉnh Tiền Giang, trong thời hạn là 03 năm với giá 03 cây vàng 24kr, nhưng bà L và anh P yêu cầu nhận tiền là 138.000.000 đồng. Sau khi giao tiền, bà L và anh P không giao đất cho bà, lý do chồng bà L là ông Ngô Văn K không đồng ý. Bà có yêu cầu bà L và anh P trả lại 03 cây vàng 24kr, ông P và bà L hẹn 03 tháng đến nay không trả;

Đến tháng 17/7/2022, bà có cho anh P mượn số tiền 40.000.000 đồng, thời hạn vay là 06 tháng, với lãi suất 1,67% tháng. Sau khi vay tiền, anh P đóng lãi cho bà đầy đủ, đến hạn anh P xin gia hạn thêm 06 tháng. Anh P đóng lãi đầy đủ đến ngày 08/5/2023 anh P đã đóng lãi cho bà được 10 tháng và không đóng lãi nữa. Đến tháng 8/2023 là đến hạn anh P và bà L cứ trốn tránh không trả 40.000.000 đồng và 03 cây vàng 24kr cho bà làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà.

Bà T yêu cầu: Anh Ngô Văn P phải trả cho bà số tiền vay 40.000.000 đồng và tiền lãi 1,66%/tháng từ ngày 08/5/2023 đến ngày 08/12/2023 (07 tháng) là 4.648.000 đồng;

Anh Ngô Văn P và bà Trần Thị L có nghĩa vụ liên đới trả cho bà 03 cây vàng 24kr, trả một lần khi án có hiệu lực pháp luật;

Tuyên bố hợp đồng cầm cố tài sản ngày rằm tháng 4/2020 vô hiệu.

Bị đơn, bà Trần Thị L trình bày: Bà thừa nhận có nợ của bà Ngô Thị Kim T tiền hụi 138.000.000 đồng và có thống nhất với bà T quy thành 03 cây vàng 24kr và làm hợp đồng cầm cố đất cho bà T vào ngày 14/4AL/2020, bà L vẫn sử dụng phần đất trên từ đó đến nay. Do gia đình hoàn cảnh khó khăn nên xin trả dần mỗi 01 năm là 05 chỉ vàng 24kr. Vào tháng 04 năm 2022 bà có mượn của bà T số tiền 40.000.000 đồng, anh P là người ký tên nhận tiền, thỏa thuận 01 tháng đóng lãi là 1.600.000 đồng, bắt đầu từ ngày 30/5AL/2022 đến ngày 30/4/2023 trả được 13 tháng lãi với số tiền là 20.800.000 đồng. Trong thời gian trên bà có nhờ bà T chơi giùm 04 phần hụi 500.000 đồng để trả số nợ 40.000.000 đồng, bắt đầu từ ngày 30/5/2022 đến ngày 30/4/2023 đã đóng được số tiền 26.000.000 đồng. Tổng cộng số tiền hụi và tiền lãi là 46.800.000 đồng. Nay bà T yêu cầu anh P trả số tiền 40.000.000 đồng, bà không đồng ý vì số tiền hụi và tiền lãi đã đóng hơn số vốn. Bà đồng ý tiếp tục trả lãi của số tiền 40.000.000 đồng theo lãi suất nhà nước thêm 01 năm kể từ ngày 30/4/2023 cho bà T.

Bị đơn anh Ngô Văn P thống nhất theo lời trình bày và ý kiến với bà Trần Thị L.

Bản án dân sự sơ thẩm số 31/2024/DS-ST, ngày 28/02/2024 của Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang đã quyết định:

Căn cứ vào các điều 463, 466, khoản 1 Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Ngô Thị Kim T.

Buộc bà Trần Thị L có nghĩa vụ trả cho bà Ngô Thị Kim T số tiền 138.000.000 đồng (một trăm ba mươi tám triệu đồng).

Buộc anh Ngô Văn P có nghĩa vụ trả cho bà Ngô Thị Kim T số tiền 40.000.000 đồng (bốn mươi triệu đồng) và 5.976.000 đồng (năm triệu, chín trăm bảy mươi sáu nghìn đồng).

Kể từ ngày bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành, nếu bên phải thi hành án chậm thực hiện nghĩa vụ thì hàng tháng còn phải chịu thêm khoản lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành.

Ngoài ra bản án dân sự sơ thẩm còn tuyên phần án phí và quyền kháng cáo của các đương sự;

Căn cứ vào đơn kháng cáo đề ngày 01/3/2024, bị đơn Trần Thị L kháng cáo toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm;

Tại phiên tòa phúc thẩm: Bị đơn Trần Thị L vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo;

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Ngô Thị Kim T không đồng ý theo yêu cầu kháng cáo của bà Trần Thị L, đề nghị giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm;

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang phát biểu ý kiến trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử và các đương sự đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án đại diện Viện kiểm sát lập luận: Căn cứ vào đơn khởi kiện của nguyên đơn có yêu cầu tuyên bố hợp đồng cầm cố tài sản vô hiệu, Tòa án cấp sơ thẩm có nhận định nhưng không tuyên bố vô hiệu là thiếu sót; Bà L không cung cấp cứ nào khác ngoài những chứng cứ mà Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét. Do đó, Đại diện Viện kiểm sát đề nghị không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của người kháng cáo, sửa bản án dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên và những quy định pháp luật, Tòa án nhận định:

[1]. Xét quan hệ pháp luật tranh chấp, thẩm quyền giải quyết, thời hạn kháng cáo, sự có mặt, vắng mặt của đương sự, Hội đồng xét xử xét thấy:

Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngô Thị Kim T thì vụ án thuộc quan hệ pháp luật tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản và hợp đồng cầm cố tài sản” được quy định tại Điều 463 và Điều 309 Bộ luật dân sự. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án được quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào đơn kháng cáo đề ngày 01/3/2024 và thông báo kháng cáo thì bà Trần Thị L kháng cáo bản án dân sự sơ thẩm trong thời hạn theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Xét trong quá trình thụ lý vụ án và chuẩn bị xét xử, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho đương sự theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Anh Ngô Văn P vắng mặt, Tòa án đã triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng anh P vẫn vắng mặt không lý do. Căn cứ quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về sự có mặt, vắng mặt của đương sự tại phiên tòa, Hội đồng xét xử quyết định vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định.

[2]. Xét yêu cầu kháng cáo của bị đơn Trần Thị L, Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1]. Xét việc xác lập hợp đồng vay giữa bà Ngô Thị Kim T và bà Trần Thị L về số tiền 138.000.000 đồng, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Căn cứ vào văn bản đề ngày rằm tháng 4 năm 2020, do nguyên đơn Ngô Thị Kim T cung cấp có thể hiện nội dung bà Ngô Thị Kim T có tên gọi khác là Ngô Thị Kim C “*tại gia đình ông Ngô Văn K cháu C có cầm 3 công đất, 3 cây vàng 24kr, cầm ba năm, bà Trần Thị L, Ngô Văn P, Ngô Văn L1; Nếu 3 năm chưa có tiền cháu C sử dụng đất*”; Cuối văn bản có chữ ký “Phung” và viết tên “Ngô Văn P”; Có chữ ký “Cuong” và chữ viết “Ngô Thị Kim C”; Có viết “138 triệu” “Ba cây vàng 24k”;

Căn cứ vào lời thừa nhận của bà T và bà L tại phiên tòa sơ thẩm, trước ngày lập văn bản đề ngày rằm tháng 4 năm 2020 thì bà Trần Thị L có vay của bà Ngô Thị Kim T số tiền 138.000.000 đồng. Bà L không có tiền trả nợ nên ngày 15/4/2020 bà T và anh P có làm hợp đồng cầm cố diện tích 3.000m² đất, thời hạn là 3 năm, quy đổi số tiền thành 03 lượng vàng 24kr. Hợp đồng do anh Ngô Văn P và chị Ngô Thị Kim C ký tên (các đương sự thống nhất xác định Ngô Thị Kim C là Ngô Thị Kim T);

Từ những lời trình bày và thừa nhận của đương sự, cũng như văn bản đề ngày rằm tháng tư năm 2020 thì có căn cứ xác định:

Văn bản đề ngày rằm tháng tư năm 2020 thể hiện nội dung cầm 03 công đất chỉ là để làm tin cho bà T về khoản vay của bà L với số tiền 138.000.000 đồng và trên thực tế không có việc giao đất cho bà T quản lý, sử dụng trong thời gian cầm cố là 03 năm như đã thỏa thuận;

Do đó, có căn cứ xác định Hợp đồng cầm cố tài sản đề ngày rằm tháng 4/2020 là hợp đồng giả tạo để che đậy hợp đồng vay tài sản ngày rằm tháng 4/2020 và hợp đồng vay tài sản ngày rằm tháng 4/2020 là hợp đồng miệng và được các bên thừa nhận;

Vì thế văn bản thỏa thuận miệng ngày rằm tháng 4 năm 2020 là hợp đồng vay tài sản giữa bà Ngô Thị Kim T và bà Trần Thị L, có lãi suất và có thời hạn trả tiền là 03 năm;

Đã hết thời hạn 03 năm, bà L chưa trả số tiền 138.000.000 đồng cho bà T nên bà T khởi kiện yêu cầu bà L trả số tiền vay 138.000.000 đồng là có căn cứ;

Bà L cho rằng bà đã đóng được 10 tháng tiền lãi phát sinh nhưng đại diện bà T thừa nhận chỉ đóng được hai tháng tiền lãi và bà L cũng không có căn cứ chứng minh bà đã đóng tiền lãi cho bà T được 10 tháng;

Bà T chỉ yêu cầu bà L trả vốn gốc 138.000.000 đồng là có lợi cho bà L;

Tòa án cấp sơ thẩm đã chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T và buộc bà L trả số tiền 138.000.000 đồng là phù hợp;

Tại phiên tòa phúc thẩm, bà L không đưa ra được căn cứ chứng minh cho việc bà L đã trả một phần vốn gốc cho bà T. Ngoài những chứng cứ mà Tòa án cấp sơ thẩm xem xét, bà L cũng không đưa ra chứng cứ nào khác nên kháng cáo của bà L không được chấp nhận.

[2.2]. Xét việc xác lập hợp đồng vay giữa bà Ngô Thị Kim T và anh Ngô Văn P về số tiền 40.000.000 đồng, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của bà Ngô Thị Kim T, bà T yêu anh Ngô Văn P trả số tiền vốn vay là 40.000.000 đồng và lãi suất tính từ ngày 08/5/2023 đến ngày 09/02/2024 (09 tháng), với mức lãi suất 1,66%/tháng là 5.976.000 đồng là căn cứ vào giấy nhận nợ do chính tay anh P viết và ký tên;

Bà L và anh P cho rằng số tiền 40.000.000 đồng là do bà L nhận và đã trả lãi, đưa tiền bà T đóng hụi với tổng số tiền 46.800.000 đồng nên bà L và anh P không trả, chỉ đồng ý tiếp tục trả lãi thêm một năm từ ngày 30/4/2023 cho chị T;

Lời trình bày của bà L và anh P như trên bà T không thừa nhận mà cho rằng: Anh P có ký nhận nợ vay ngày 17/7/2022 của bà T số tiền 40.000.000 đồng, không xác định ngày tháng năm và hạn đến tháng 12 sẽ trả lại, bà L và anh P không có chứng cứ gì để chứng minh cho lời trình bày của bà L và anh P;

Tòa án cấp sơ thẩm đã chấp nhận yêu cầu khởi kiện này của bà T là có căn cứ, phù hợp với chứng cứ và lời thừa nhận của đương sự;

Tại phiên tòa phúc thẩm, bà L không đưa ra được căn cứ chứng minh cho việc bà L và anh P đã trả số tiền 40.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh cho bà T. Ngoài những chứng cứ mà Tòa án cấp sơ thẩm xem xét, bà L cũng không đưa ra chứng cứ nào khác nên kháng cáo về phần này của bà L không được chấp nhận.

Từ những căn cứ trên, Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Trần Thị L.

[3]. Những thiếu sót của Tòa án cấp sơ thẩm, Hội đồng xét xử nhận thấy: Tòa án cấp sơ thẩm đã nhận định "... hợp đồng cầm cố ngày 15/4AL/2020 do anh P và chị T ký không rõ ràng về nội dung, hình thức thì không phù hợp nên không có giá trị về mặt pháp lý..." nhưng trong phần Quyết định của bản án sơ thẩm không tuyên bố hợp đồng vô hiệu là không phù hợp nên cần sửa án sơ thẩm.

[4]. Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Trần Thị L là người cao tuổi nên không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

[5]. Đối với đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 148, khoản 2 Điều 308 và Điều 309 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 463, Điều 466, Điều 309, Điều 122, Điều 124, Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Căn cứ Luật thi hành án dân sự.

Xử: 1. Không chấp nhận kháng cáo của bà Trần Thị L;

Sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm số 31/2024/DS-ST, ngày 28/02/2024 của Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang;

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Ngô Thị Kim T.

Buộc bà Trần Thị L có nghĩa vụ trả cho bà Ngô Thị Kim T số tiền vay 138.000.000 đồng (một trăm ba mươi tám triệu đồng).

Buộc anh Ngô Văn P có nghĩa vụ trả cho bà Ngô Thị Kim T số tiền vay 40.000.000 đồng (bốn mươi triệu đồng) và tiền lãi phát sinh 5.976.000 đồng (năm triệu, chín trăm bảy mươi sáu nghìn đồng).

Kể từ ngày bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành, nếu bên phải thi hành án chậm thực hiện nghĩa vụ thì hàng tháng còn phải chịu thêm khoản lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành.

Hợp đồng cầm cố tài sản đề ngày rằm tháng 4 năm 2020 giữa anh Ngô Văn P1 và bà Ngô Thị Kim T (tên gọi khác là Ngô Thị Kim C) vô hiệu.

Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Trần Thị L được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

Anh Ngô Văn P phải chịu 2.299.000 đồng (hai triệu, hai trăm chín mươi chín nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại cho bà Ngô Thị Kim T số tiền 5.433.000 đồng (năm triệu bốn trăm ba mươi ba nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm số 0002015 ngày 09/11/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

2. Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Trần Thị L không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

***. Nơi nhận:**

- Tòa án nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân cấp cao;
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- CTHADS tỉnh Tiền Giang;
- TAND huyện Cai Lậy;
- THADS huyện Cai Lậy;
- Đăng công thông tin điện tử;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trương Vĩnh Hữu